

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 31 - 5 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Thẩm phán:

ông Cao Văn Lạc

ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLPT-HNGĐ ngày 22 ngày 3 năm 2023 về: “tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Trần Ngọc Phương T; cư trú tại: số H, đường Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Hoàng T1; cư trú tại: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* ông Nguyễn Khắc H – Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Khắc H thuộc Đoàn luật sư tỉnh V.

- *Người kháng cáo:* anh Nguyễn Hoàng T1 - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Ngọc Phương T trình bày: chị và anh Nguyễn Hoàng T1 kết hôn vào năm 2015 do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T1 không tôn trọng chị, nghi ngờ chị có quen người đàn ông khác. Từ đó, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, cuộc sống vợ chồng ngày càng xa cách và không thể tiếp tục chung sống được nữa. Chị và anh T1 đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu ly hôn anh T1.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Hải Đ, sinh ngày 18/7/2016. Trước đây cháu Đ sống chung với chị T, đến tháng 4 năm 2022 chị gửi đơn xin ly hôn thì anh T1 lên Thành phố Hồ Chí Minh dẫn con về quê nội chơi sau đó không dẫn cháu trả lại cho chị mà rút hồ sơ học mẫu giáo của cháu để nhập học tại quê. Trong quá trình nuôi dưỡng, chị cũng đến thăm con nhiều lần nhưng anh T1 ngăn cản, chị có báo với chính quyền địa phương nhưng ở địa phương từ chối không lập biên bản về việc này. Chị yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp, Tòa án giao con cho anh T1 nuôi dưỡng chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Hiện nay chị đang làm việc tại Công ty TNHH T2, thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng, thời gian làm việc theo giờ hành chính, có khi tăng ca từ một tiếng đến hai tiếng. Ngoài ra chị còn bán hàng online thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng, bên cạnh đó chị phụ bán điện thoại di động cho người anh ruột để hưởng tiền hoa hồng.

Về tài sản chung, nợ chung: chị T không yêu cầu giải quyết.

Tại tờ trường trình ngày 26/9/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hoàng T1 trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị T về việc kết hôn và con chung. Anh và chị T chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do chị T có quen người đàn ông khác, vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên xảy ra cự cãi, không còn tin tưởng nhau, không quan tâm chăm sóc nhau, mặc dù gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng cũng không giải quyết được mâu thuẫn. Anh đồng ý ly hôn với chị T và yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp giao con cho chị T nuôi dưỡng thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho

đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Hiện tại, anh T1 đang kinh doanh mua bán đồ dùng sinh hoạt của mẹ và bé tại nhà, thu nhập hàng tháng khoảng từ 13.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung anh T1 không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Ngọc Phương T và anh Nguyễn Hoàng T1.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Hoàng Hải Đ, sinh ngày 18/7/2016 cho chị T nuôi dưỡng và giáo dục, anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh T1 không tranh chấp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/02/2023, bị đơn anh Nguyễn Hoàng T1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giao cháu Nguyễn Hoàng Hải Đ, sinh ngày 18/7/2016 cho anh được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu: đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn vì hiện nay bị đơn đang nuôi con. Cháu Đ được nuôi dưỡng chu đáo, phát triển tốt, cháu đã học xong lớp 1. Bị đơn có đủ điều kiện nuôi con, để ổn định đề nghị giao cháu Đ cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: chị T có đủ điều kiện để nuôi con, khi vợ chồng sinh con thì cháu Đ sống chung với chị T và anh T1 tại gia đình chị T ở Thành phố Hồ Chí Minh. Khi anh T1 và chị T ly thân, anh T1 dẫn cháu Đ về Tam Bình sinh sống, không có sự đồng ý của chị T. Nhà chị T ở gần trường học, an ninh trật tự an toàn, vì vậy cấp sơ thẩm giao cháu Đ cho chị T nuôi là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị T và anh T1 kết hôn có đăng ký, quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, anh chị thuận tình ly hôn được cấp sơ thẩm công nhận. Phần này các đương sự không có kháng cáo. Anh T1 kháng cáo yêu cầu được nuôi cháu Đ, do cấp sơ thẩm giao cháu Đ cho chị T nuôi.

[2] Nhận thấy: anh T1 và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Hải Đ, sinh ngày 18/7/2016, cháu hiện nay do anh T1 đang trực tiếp nuôi dưỡng. Xét trong quá trình giải quyết vụ án, việc cha mẹ có nguyện vọng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con sau khi ly hôn vừa là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ được quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khi giải quyết ly hôn các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc nuôi con hoặc Tòa án xử giao con cho ai là người trực tiếp nuôi phải căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng người và phải quan tâm đến quyền và lợi ích mọi mặt của đứa trẻ. Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì anh T1 và chị T đều có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên xét thấy từ tháng 4/2022 cho đến nay, khi chị T và anh T1 không còn chung sống với nhau, cháu Đ do anh T1 dẫn về nhà cha mẹ anh ở T để nuôi dưỡng cho đến nay, cháu được nuôi dưỡng tốt và phát triển bình thường, cháu Đ học xong lớp 1. Quá trình nuôi dưỡng chị T cũng không có ý kiến về việc này. Anh T1 cũng tạo điều kiện cho chị T thăm nom, chăm sóc cháu. Vì vậy để bảo đảm ổn định môi trường sống và học tập của cháu Đ, tránh làm xáo trộn, ảnh hưởng đến việc học, phải chuyển trường, ở môi trường khác, vì vậy giao cháu Đ cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Chị có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Đối với việc nuôi con chung sau khi ly hôn: nếu chị T có đủ căn cứ cho rằng anh T1 không còn đủ điều kiện nuôi con chung hoặc ngược đãi con chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình

[4] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu: phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị: không chấp nhận

yêu cầu kháng cáo của anh T1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm giao cháu Đ cho chị T nuôi dưỡng. Nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên không phù hợp với nhận định trên của hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hoàng T1 và sửa Bản án sơ thẩm số 08/2023/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 2 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về con chung: giao Nguyễn Hoàng Hải Đ, sinh ngày 18/7/2016 cho anh Nguyễn Hoàng T1 tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T1 chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Ngọc Phương T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí phúc thẩm: anh Nguyễn Hoàng T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh T1 nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 11225 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long được hoàn trả lại cho anh T1.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- TANDHT: 01b;
- THADSHT: 02b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tuấn